

Số: /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2024

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước và Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn đối mặt nhiều thách thức từ căng thẳng địa chính trị, lạm phát kéo dài và bất ổn thương mại. Với sự đồng hành của Chính phủ, sự chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy và điều hành của chính quyền Thành phố, bám sát các giải pháp, chỉ đạo của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và đặc biệt tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thành phố đến năm 2025 đã góp phần tạo nên chuyển biến tích cực đối với kinh tế Thành phố trong 9 tháng năm 2024.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP) quý III năm 2024 tăng 7,33% so với cùng kỳ, cao hơn 0,79 điểm phần trăm so với mức tăng quý I (quý I/2024 tăng 6,54%) và cao hơn 1,02 điểm phần trăm so với mức tăng quý II (quý II/2024 tăng 6,31%), qua đó cho thấy kinh tế Thành phố tiếp tục tăng trưởng tích cực khi quý sau cao hơn quý trước.

GRDP 9 tháng năm 2024 tăng 6,85% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông nghiệp giảm 0,8%; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 6,62%, đóng góp 22,2% vào mức tăng GRDP; khu vực dịch vụ tăng 7,46%, đóng góp 69,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,47%, đóng góp 8,2%.

Tổng sản phẩm (GRDP) Thành phố 9 tháng năm 2024

	Giá hiện hành		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (%)
Tổng GRDP	1.314.703	100,0	869.861	106,85
- Nông, lâm, thủy sản	6.156	0,5	3.270	99,20
- Công nghiệp và xây dựng	281.554	21,5	199.613	106,62

	Giá hiện hành		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (%)
Công nghiệp	236.888	18,1	170.695	106,85
Xây dựng	44.666	3,4	28.918	105,29
- Dịch vụ	859.871	65,3	559.618	107,46
<i>Trong đó: 9 ngành dịch vụ chủ yếu</i>	788.147	59,9	514.654	107,34
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	167.122	12,7	107.360	104,47

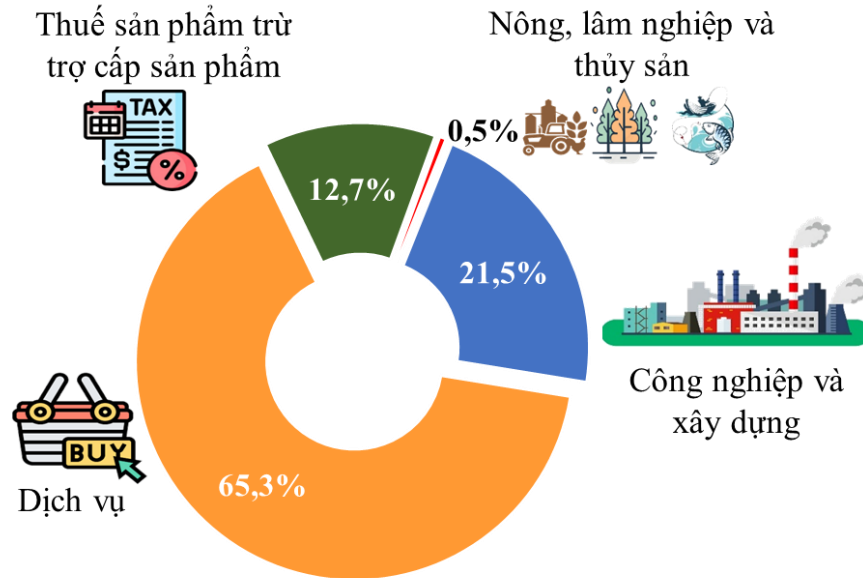
Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng khá, nhiều doanh nghiệp có đơn hàng ổn định đến cuối năm 2024, thậm chí các đơn hàng truyền thống có đến quý I năm 2025. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2024 tăng 6,85% so với cùng kỳ, đóng góp 19,6% vào mức tăng GRDP, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là trụ cột của ngành công nghiệp Thành phố chỉ tăng 5,44%, thấp hơn 1,41 điểm phần trăm so với mức tăng toàn ngành công nghiệp và đóng góp 14,2% vào mức tăng GRDP; riêng 04 ngành công nghiệp trọng điểm chưa thể hiện rõ vai trò dẫn dắt của ngành khi tăng 4,21%, thấp hơn 2,64 điểm phần trăm so với mức tăng toàn ngành công nghiệp và đóng góp 6,6%.

Ngành xây dựng tăng 5,29%, đóng góp 2,6% vào mức tăng GRDP, đây là mức tăng khiêm tốn trước tình hình giải ngân vốn đầu tư trên địa bàn chưa có những chuyển biến tích cực.

Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động thương mại, vận tải, du lịch vẫn duy trì đà tăng trưởng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 9 tháng năm 2024 tăng 7,46% so với cùng kỳ, đóng góp 69,6% vào mức tăng GRDP. Trong đó 09 ngành dịch vụ chủ yếu (chiếm 91,7% giá trị tăng thêm toàn ngành dịch vụ) tăng 7,34%, đóng góp 63,1% vào mức tăng GRDP. Ngoài ra, một số ngành có tỷ trọng và đóng góp lớn vào mức tăng GRDP như: Bán buôn và bán lẻ (chiếm 16,1% GRDP) tăng 5,29%, đóng góp 13,4% vào mức tăng GRDP; ngành vận tải, kho bãi (chiếm 10,4% GRDP) tăng 17,98%, đóng góp 25,8%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (chiếm 9,5% GRDP) tăng 5,2%, đóng góp 7,3%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (chiếm 5,1% GRDP) tăng 6,76%, đóng góp 5,3%.

Về cơ cấu GRDP Thành phố 9 tháng năm 2024 theo giá hiện hành: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,5% GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 21,5%; khu vực dịch vụ chiếm 65,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,7%.

Cơ cấu GRDP 9 tháng năm 2024 phân theo khu vực kinh tế (%)



2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm tính đến ngày 20/9/2024 đạt 33.577,3 ha, tăng 0,7% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích lúa gieo cấy vụ Đông Xuân đạt 4.749,6 ha, giảm 1,0%; sản lượng thu hoạch đạt 27.140,1 tấn, tăng 1,5%; diện tích lúa gieo cấy vụ Hè Thu đạt 6.760,7 ha, tăng 17,6%. Diện tích trồng ngô đạt 442,8 ha, tăng 26,8% và sản lượng đạt 1.946,5 tấn, tăng 27,7%. Diện tích trồng sắn đạt 2.009,0 ha, giảm 16,2%. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 5.440,7 ha, giảm 8,7% và sản lượng đạt 201.336,7 tấn, giảm 7,4%.

Tình hình sinh vật gây hại: Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 322,0 ha, giảm 18,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 là 5.131,3 ha, giảm 4,5%. Diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 313,0 ha, giảm 37,9%. Tính chung 9 tháng năm 2024 là 3.890,6 ha, giảm 22,4%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là bộ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh đốm lá và chuột.

Chăn nuôi: Tổng đàn chăn nuôi trong tháng tiếp tục có xu hướng giảm do quá trình đô thị hóa, chủ trương kiểm soát, xử lý môi trường trong chăn nuôi và việc ngưng thực hiện thí điểm nâng cấp, xây dựng mới trang trại trên đất nông nghiệp. Trong đó, đàn trâu có 2.296 con, giảm 23,4% so với cùng kỳ; đàn bò có 83.816 con, giảm 14,9%, trong đó đàn bò sữa có 60.104 con, giảm 11,4%; đàn lợn thịt có 139.339 con, giảm 1,8%; đàn gia cầm có 341 nghìn con, giảm 4,4%, riêng đàn gà có 312 nghìn con, giảm 4,6%.

2.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản lượng lâm sản khai thác 9 tháng năm 2024 ước đạt 2.980 m³ gỗ (Công ty cây trồng Thành phố và một số hộ dân tại huyện Bình Chánh), khoảng 1.825 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân tại huyện Cần Giờ. Thời tiết trên địa bàn Thành phố là điều kiện thuận lợi để trồng cây phân tán, trong tháng 9 đã trồng được 222 nghìn cây trồng phân tán.

Tổng sản lượng thủy sản trong 9 tháng năm 2024 ước đạt 42.980 tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ. Chia ra: Cá ước đạt 10.598 tấn, giảm 5,2%; tôm ước đạt 9.993 tấn, tăng 3,7%; thủy sản khác ước đạt 22.389 tấn, giảm 0,5%. Cụ thể:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 33.485 tấn, giảm 0,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Cá ước đạt 5.511 tấn, giảm 2,4%; tôm ước đạt 8.665 tấn, tăng 4,0%; thủy sản khác ước đạt 19.309 tấn, giảm 1,4%.

Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 9.495 tấn, giảm 2,8% so với cùng kỳ. Chia ra: Cá ước đạt 5.087 tấn, giảm 8,2%; tôm ước đạt 1.328 tấn, tăng 1,8%; thủy sản khác ước đạt 3.080 tấn, tăng 5,2%.

Tính đến ngày 10/9/2024, có 282 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 119,4 triệu con giống trên diện tích 3.269,4 ha, diện tích thả nuôi giảm 0,3% so với cùng kỳ và số lượng con giống giảm 8,4%. Tôm thẻ chân trắng có 1.608 lượt hộ thả nuôi với 753,7 triệu con giống trên diện tích 1.727,4 ha, diện tích thả nuôi tăng 46,8% so với cùng kỳ và số lượng con giống tăng 46,5%.

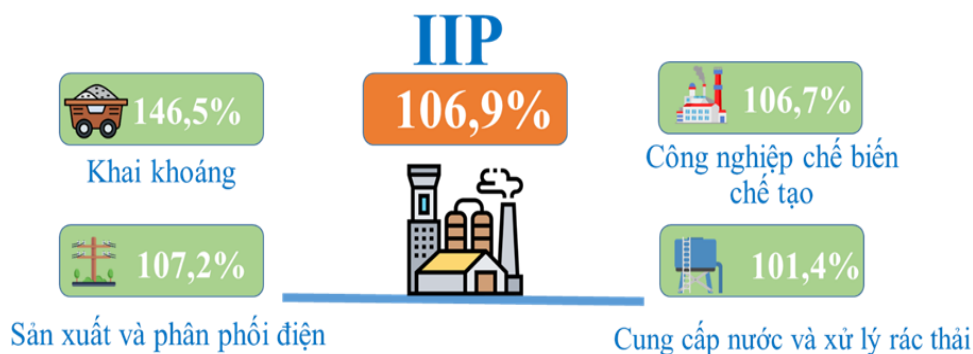
Trong tháng, có 03 lượt hộ nuôi có tôm bệnh, chủ yếu bệnh đốm trắng trên diện tích 2,2 ha, thiệt hại 0,8 triệu con giống. Tính chung 9 tháng năm 2024, có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 11,3 ha, số lượng con giống thiệt hại gần 6,5 triệu con giống. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 3.780 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn Thành phố tiếp tục phục hồi và duy trì đà tăng trưởng tích cực, trong tháng 9 năm 2024 ước tính tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Khai khoáng tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 38,6% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 2,4% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 3,0% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2024, IIP trên địa bàn Thành phố tăng 6,9% so với cùng kỳ. Chia ra: Ngành khai khoáng tăng 46,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 23/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 25,8%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 22,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 16,7%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 16,0%; sản xuất giường tủ, bàn, ghế tăng 15,9%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 12,4%. Một số ngành có IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất xe có động cơ giảm 36,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 24,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 9 tháng so với cùng kỳ

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số	87,4	119,0	102,8	106,9
<i>Chia theo ngành cấp I</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	62,2	168,6	104,5	146,5
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	87,3	117,7	102,7	106,7
3. Sản xuất và phân phối điện	95,2	178,5	105,8	107,2
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	95,9	110,4	102,8	101,4
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	92,8	115,0	97,6	105,1
2. Sản xuất đồ uống	76,4	142,2	87,4	96,6
3. Sản xuất trang phục	74,2	130,6	86,1	102,7
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	84,4	113,2	91,4	99,4

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	94,0	110,7	111,0	116,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	92,7	160,1	128,3	125,8
7. Sản phẩm từ khoáng kim loại	88,9	114,9	84,1	110,9
8. Sản xuất sản phẩm điện tử	85,4	104,5	105,1	100,7
9. Sản xuất thiết bị điện	103,7	106,3	109,2	105,9
10. Sản xuất xe có động cơ	96,1	130,8	111,5	63,2

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm tính chung 9 tháng năm 2024 tăng 4,7% so với cùng kỳ, thấp hơn 2,2 điểm phần trăm so với IIP toàn ngành công nghiệp. Chia ra: Ngành hóa dược tăng 18,3%; ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 2,0%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 0,7%; ngành cơ khí giảm 3,9%.

Chỉ số sản xuất 3 ngành công nghiệp truyền thống tính chung 9 tháng năm 2024 tăng 1,0% so với cùng kỳ. Chia ra: Ngành sản xuất trang phục tăng 2,7%; ngành dệt tăng 0,1%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 0,6%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 25,7%; sổ sách, vở, giấy và các sản phẩm bằng giấy tăng 19,0%; xi măng tăng 16,4%; bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy rửa tăng 13,1%; thuốc lá điếu tăng 10,1%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 14,6%; giày dép thể thao giảm 1,6%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9 năm 2024 ước tính tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,1% so với cùng kỳ, trong đó, có 15/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng và 8/23 ngành có chỉ số tiêu thụ giảm. Một số ngành tăng cao như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 36,2%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 36,1%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 20,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,4%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 17,0%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 15,0%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9 năm 2024 ước tính tăng 4,5% so với tháng trước và giảm 18,3% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tăng 53,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 44,5%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 25,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 23,9%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất

giảm 71,2%; sản xuất phương tiện vận tải giảm 41,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 37,4%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 31,7%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp trong tháng 9 năm 2024 tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 0,9% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024, chỉ số lao động giảm 3,4% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng cao như: Thoát nước và xử lý nước thải tăng 85,0%; sản xuất xe có động cơ tăng 32,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 31,9%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 29,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 21,7%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm mạnh như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 28,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 19,2%; sản xuất kim loại giảm 15,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 13,6%.

4. Đầu tư và xây dựng

Thành phố tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố trong những tháng cuối năm 2024. Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố ước thực hiện tăng 6,7% so với cùng kỳ.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố quý III năm 2024 ước thực hiện 110.698,7 tỷ đồng, tăng 31,7% so với quý trước và tăng 3,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

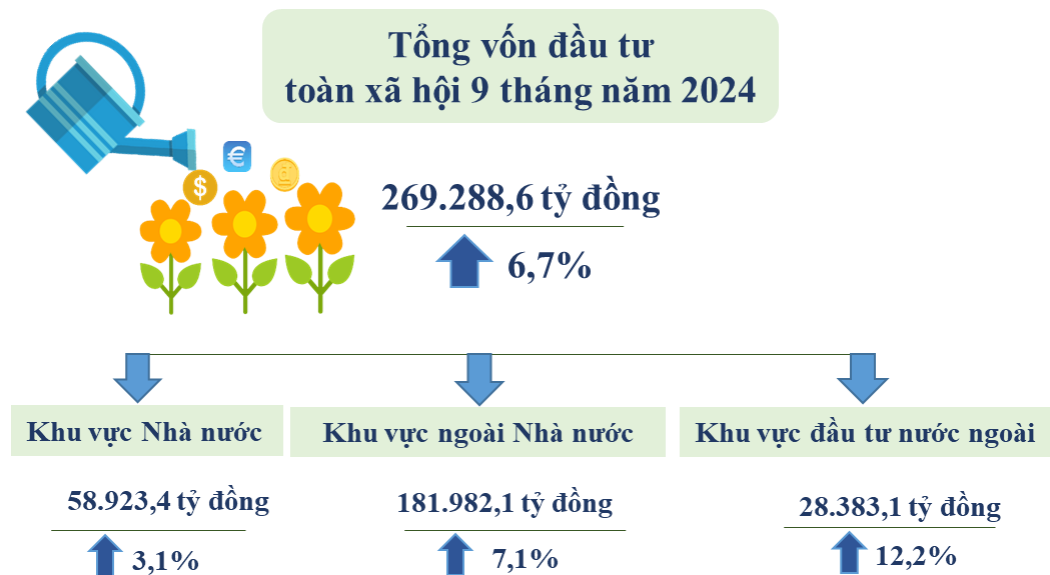
Phân theo nguồn vốn: Vốn Nhà nước ước đạt 23.090,7 tỷ đồng, chiếm 20,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giảm 6,4% so với cùng kỳ; vốn ngoài Nhà nước ước đạt 77.728,8 tỷ đồng, chiếm 70,2%, tăng 6,3%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 9.879,2 tỷ đồng, chiếm 8,9%, tăng 10,6%.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 66.076,1 tỷ đồng, chiếm 59,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 3,7% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 30.558,9 tỷ đồng, chiếm 27,6%, tăng 3,0%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 7.269,4 tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 20%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 5.153,2 tỷ đồng, chiếm 4,7%, giảm 5,9%; vốn đầu tư khác ước đạt 1.641,1 tỷ đồng, chiếm 1,5%, giảm 10,7%.

Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố ước thực hiện 269.288,6 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo nguồn vốn: Vốn Nhà nước ước đạt 58.923,4 tỷ đồng, chiếm 21,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 3,1% so với cùng kỳ; vốn ngoài Nhà nước ước đạt 181.982,1 tỷ đồng, chiếm 67,6%, tăng 7,1%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 28.383,1 tỷ đồng, chiếm 10,5%, tăng 12,2%.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 159.294,5 tỷ đồng, chiếm 59,2% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 5,1% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 78.345,9 tỷ đồng, chiếm 29,1%, tăng 9,5%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 15.216,3 tỷ đồng, chiếm 5,7%, tăng 12%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 12.864,1 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 5,8%; vốn đầu tư khác ước đạt 3.567,8 tỷ đồng, chiếm 1,3%, tăng 2,5%.



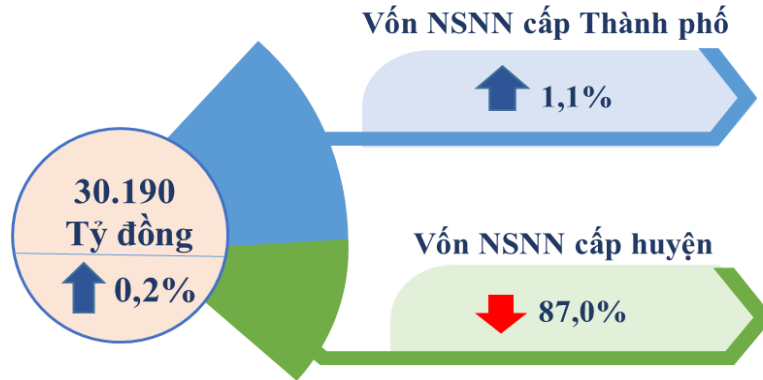
4.2. Vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 9 năm 2024 đạt 4.875,5 tỷ đồng, tăng 4,6% so với tháng trước và giảm 6,1% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 4.871 tỷ đồng, giảm 5,6% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 4,5 tỷ đồng, bằng 12,6% so với cùng kỳ (do kế hoạch vốn từ ngân sách cấp huyện năm 2024 chỉ bằng 16,8% năm 2023).

Tính chung 9 tháng năm 2024, đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 30.190 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ (9 tháng năm 2023 thực hiện 30.138,1 tỷ đồng). Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 30.149,2 tỷ đồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ, đạt 38% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân

sách cấp huyện ước thực hiện 40,8 tỷ đồng, bằng 13% so với cùng kỳ, đạt 36,2% kế hoạch cấp huyện.

Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ NSNN do địa phương quản lý 9 tháng năm 2024 (%)



Tính đến hết ngày 27/9/2024, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã giải ngân là 15.802,7 tỷ đồng, đạt 19,9% so với kế hoạch vốn năm 2024.

4.3. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Trong quý III năm 2024, trên địa bàn Thành phố nhiều dự án hoàn thành góp phần giảm áp lực giao thông: Hàm chui giao lộ Trần Quốc Hoàn – Phan Thúc Duyệt kết nối với Nhà ga T3 sân bay Tân Sơn Nhất; một nhánh hàm chui HC2 thuộc nút giao Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ (Quận 7), riêng đoạn HC1-2 trên đường Mai Chí Thọ nối vào cao tốc đạt khoảng 45% tiến độ.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên), đã hoàn thành hơn 98,4% khối lượng. Dự án lắp ráp 09 cầu bộ hành kết nối các nhà ga trên cao đã hoàn thành sớm 45 ngày so với Kế hoạch đề ra – một trong những công đoạn cuối đưa dự án Metro 1 vào vận hành thương mại. Để phục vụ người dân thuận tiện khi sử dụng Metro 1, Thành phố lập phương án dùng ô tô trung chuyển khách đi và đến 5 bến xe liên tỉnh trong Thành phố. Áp dụng đầu tiên tại bến xe Miền Đông mới (TP. Thủ Đức) khi dự án Metro 1 đưa vào khai thác cuối năm 2024; bến xe Miền Tây (quận Bình Tân), Miền Đông cũ (quận Bình Thạnh), An Sương (huyện Hóc Môn) và Ngã tư Ga (Quận 12) dự kiến sẽ áp dụng từ năm 2025.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 2 (Bến Thành - Tham Lương) cơ bản đã hoàn tất thủ tục ban hành Quyết định bồi thường 584/586 trường hợp, đạt 99,6%; trong đó Quận 1, 10, 12, Tân Bình, Tân Phú đạt 100%, 02 hộ còn lại thuộc địa bàn Quận 3 đang được tích cực vận động bàn giao mặt bằng. Các nhà thầu đang thi công những hạng mục đầu tiên về di dời - tái lập hệ thống cấp thoát nước, biển

báo, chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông. Tuyến Metro số 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2030.

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố được chia làm 14 gói thầu xây lắp, trong đó có 10 gói thầu xây lắp chính đã đấu thầu xong và đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, 04 gói thầu phục vụ vận hành, khai thác, chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ thiết kế; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự kiến khởi công trong năm 2024. Tổng khối lượng thi công đạt gần 16% giá trị hợp đồng, 04 gói thầu xây lắp chính được khởi công từ tháng 6 năm 2023 đang dẫn đầu về tiến độ. Tình trạng thiếu cát của dự án vẫn chưa được giải quyết, dự án đang huy động cát từ nguồn thương mại trong nước, nguồn cát nhập khẩu Campuchia để thi công các hạng mục của dự án, đặc biệt để xử lý đất yếu, đáp ứng các mốc tiến độ.

Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố đang được đẩy nhanh tiến độ bồi thường. Đến hết tháng 8, mặt bằng bàn giao đạt 99,5%; trong đó 1.684/1.692 trường hợp đã bàn giao mặt bằng, các địa phương đang lập hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất.

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 gồm 7 gói thầu xây lắp; trong đó 4/7 gói xây lắp làm đường song hành Quốc lộ 50, dự kiến hoàn thành trong năm 2024; 3/7 gói thầu mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Tại khu vực đường song hành đang gặp vướng mắc trong công tác bồi thường cho 27 hộ dân và 2 doanh nghiệp (11 trường hợp thuộc doanh nghiệp Gia Hòa và Khang Phúc) khiến công trường bị ngắt quãng, ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án. Trong khi đó tại Quốc lộ 50 hiện hữu (đoạn từ điểm giao với đường song hành giáp ranh tỉnh Long An) đang được đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng.

Dự án cải tạo kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên: 9/10 gói thầu được đẩy nhanh tiến độ nhưng gặp khó khăn do mặt bằng chưa sạch. Mặt bằng dự án nhiều đoạn hẹp, không đủ bố trí thiết bị thi công loại cầu lớn, dễ gây sạt lở kênh; các đường dây điện trung, hạ thế, trạm biến áp, viễn thông chưa được di dời và hệ thống thoát nước dọc 2 bờ kênh chưa được xử lý. Gói thầu XL-10 chưa thể thi công vì 19/150 trường hợp chưa giao mặt bằng tại Quận 12. Dự kiến, dự án hoàn thành vào 30/4/2025.

4.4. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư

Tính đến hết tháng 8 năm 2024, toàn Thành phố đã cấp 16.555 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn với diện tích sàn 3.061,9 nghìn m², tăng 5,2% về giấy phép (+819 giấy phép) và tăng 3,9% về diện tích (+116 nghìn m²) so với cùng kỳ. Trong

đó, cấp xây dựng mới 15.368 giấy phép với diện tích 2.942,7 nghìn m² và 1.187 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 119,3 nghìn m².

5. Hoạt động của doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng năm 2024 tăng 1,6% so với cùng kỳ nhưng vốn đăng ký giảm 13,9%. Số doanh nghiệp tham gia vào thị trường tăng 4,6% nhưng số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 6,2%.

5.1. Tình hình đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/9/2024, Thành phố cấp phép 37.808 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 294.887 tỷ đồng, tăng 1,6% về giấy phép và giảm 13,9% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó,

Phân theo loại hình doanh nghiệp, có đến 91,6% đăng ký thành lập mới là công ty TNHH; công ty cổ phần chiếm 7,5%; doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh chiếm 0,9%. Cụ thể:

Công ty TNHH có 34.642 đơn vị với vốn đăng ký đạt 238.981 tỷ đồng; tăng 3,3% về cấp phép và giảm 7,9% về vốn so với cùng kỳ; Công ty cổ phần có 2.854 đơn vị với vốn đăng ký đạt 55.583 tỷ đồng, giảm 10,9% về cấp phép và giảm 32,9% về vốn; Doanh nghiệp tư nhân có 307 đơn vị với vốn đăng ký đạt 309 tỷ đồng, giảm 36,4% về cấp phép và tăng 36,4% về vốn; Công ty hợp danh có 05 đơn vị với vốn đăng ký đạt 14 tỷ đồng, tương đương về cấp phép và giảm 76,1% về vốn.

Phân theo khu vực kinh tế, có đến 82,6% doanh nghiệp thành lập mới hoạt động dịch vụ, 17,1% doanh nghiệp ngành công nghiệp – xây dựng và 0,3% ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể:

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có 113 đơn vị với vốn đăng ký đạt 2.100 tỷ đồng, giảm 7,4% về cấp phép và tăng 20,3% về vốn so với cùng kỳ.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành công nghiệp – xây dựng có 6.464 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 52.814 tỷ đồng, giảm 6,9% về cấp phép và giảm 44,3% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp có 3.664 doanh nghiệp và vốn đăng ký 20.266 tỷ đồng, giảm 3,0% về cấp phép và giảm 22,5% về vốn; ngành xây dựng có 2.800 doanh nghiệp và vốn đăng ký 32.548 tỷ đồng, giảm 11,5% về cấp phép và giảm 52,6% về vốn.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành thương mại, dịch vụ có 31.231 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 239.973 tỷ đồng, tăng 3,5% về cấp phép và giảm 2,4% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, thương nghiệp có 17.352 đơn vị và vốn đăng ký đạt 128.751 tỷ đồng, tăng 9,7% về cấp phép và tăng 7,5% về vốn; vận tải kho bãi

có 1.823 đơn vị và vốn đăng ký đạt 10.182 tỷ đồng, giảm 2,3% về cấp phép và giảm 26,6% về vốn; dịch vụ lưu trú ăn uống có 1.565 đơn vị và vốn đăng ký đạt 14.465 tỷ đồng, giảm 9,5% về cấp phép và tăng 97,9% về vốn; kinh doanh bất động sản có 1.051 đơn vị và vốn đăng ký đạt 40.137 tỷ đồng, giảm 4,7% về cấp phép và giảm 7,0% về vốn; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 3.535 đơn vị và vốn đăng ký 18.597 tỷ đồng, giảm 4,8% về cấp phép và giảm 30,4% về vốn.

5.2. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Xu hướng kinh doanh tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III năm 2024 đã có tín hiệu khởi sắc so với quý trước. Cụ thể: Có 59,7% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên; 25,2% giữ ổn định và 15,1% khó khăn hơn. Trong đó, 92,5% doanh nghiệp Nhà nước đánh giá hoạt động quý III năm 2024 tốt lên và giữ ổn định so với quý trước; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài Nhà nước lần lượt là 84,9% và 83,4%.

Dự báo tình hình quý IV năm 2024, có 62,3% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn; 24,7% giữ ổn định và 13,0% khó khăn hơn. Trong đó, có 92,5% doanh nghiệp Nhà nước đánh giá tình hình kinh doanh trong quý IV năm 2024 sẽ tích cực hơn, tỷ lệ này ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài Nhà nước tương ứng là 85,1% và 87,3%.

6. Tài chính, ngân hàng và chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố trong 9 tháng năm 2024 ước tăng 14,3% so với cùng kỳ, trong đó thu từ các khu vực kinh tế đều tăng khá góp phần thu nội địa tăng 22,2% và đặc biệt thu từ xuất, nhập khẩu đã tăng 1,2%. Chi cân đối ngân sách địa phương tăng 22,2%, chi thường xuyên tăng 14,1% so với cùng kỳ.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2024 ước thực hiện 371.307 tỷ đồng, đạt 76,9% dự toán và tăng 14,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

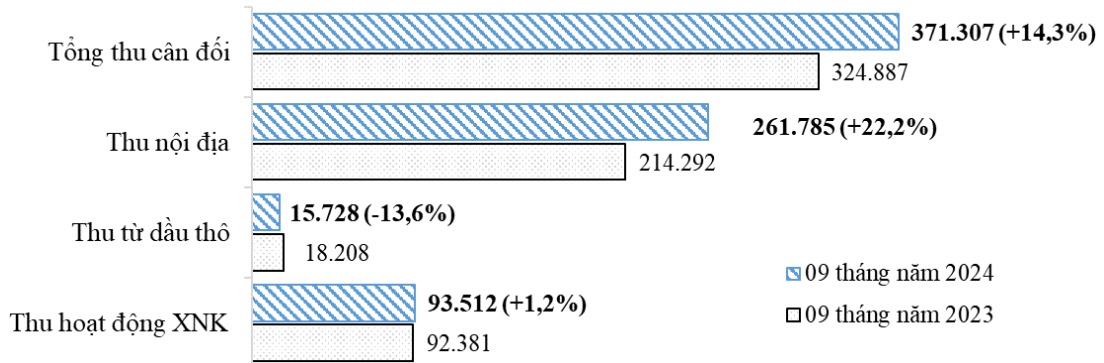
Thu nội địa ước thực hiện 261.785 tỷ đồng, đạt 78,4% dự toán, chiếm 70,5% tổng thu cân đối và tăng 22,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước ước thực hiện 23.657 tỷ đồng, đạt 79,1% dự toán, chiếm 6,4% tổng thu và tăng 10,7%; thu từ khu vực ngoài Nhà nước ước thực hiện 77.266 tỷ đồng, đạt 84,3% dự toán, chiếm 20,8% tổng thu và tăng 20,7%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 58.079 tỷ đồng, đạt 84,3% dự toán, chiếm 15,6% tổng thu và tăng 11,8%.

Thu dầu thô ước thực hiện 15.728 tỷ đồng, đạt 87,9% dự toán, chiếm 4,2% tổng thu cân đối và giảm 13,6%.

Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước thực hiện 93.512 tỷ đồng, đạt 71,5% dự toán, chiếm 25,2% tổng thu cân đối và tăng 1,2%.

Thu cân đối ngân sách địa phương 9 tháng năm 2024 ước thực hiện 150.871 tỷ đồng, đạt 107,0% dự toán, chiếm 40,6% tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước và tăng 47,1% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2024 (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



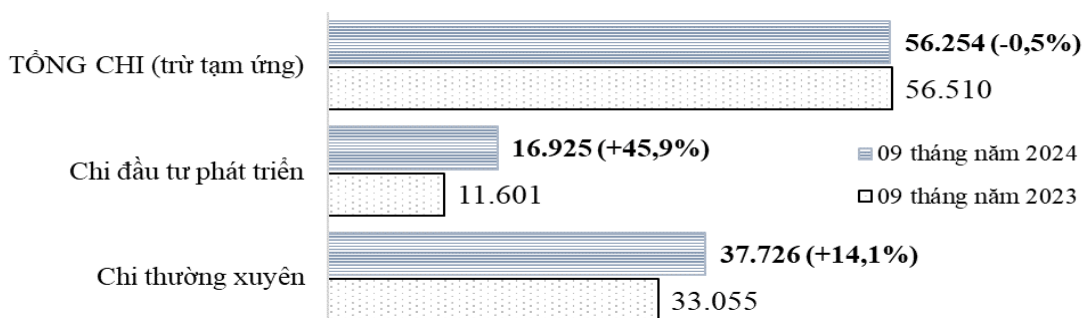
Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 9 tháng năm 2024 ước thực hiện 56.254 tỷ đồng, đạt 37,5% dự toán và giảm 0,5% so với cùng kỳ.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 55.047 tỷ đồng, đạt 37,7% dự toán và tăng 22,2% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 16.925 tỷ đồng, đạt 22,4% dự toán và tăng 45,9% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên ước thực hiện 37.726 tỷ đồng, đạt 59,5% dự toán và tăng 14,1%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 15.667 tỷ đồng, đạt 65,8% dự toán và tăng 26,4%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 2.135 tỷ đồng, đạt 41,7% dự toán và tăng 6,6%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 279 tỷ đồng, đạt 52,8% dự toán và giảm 35,8%.

Chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2024 (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



6.2. Ngân hàng

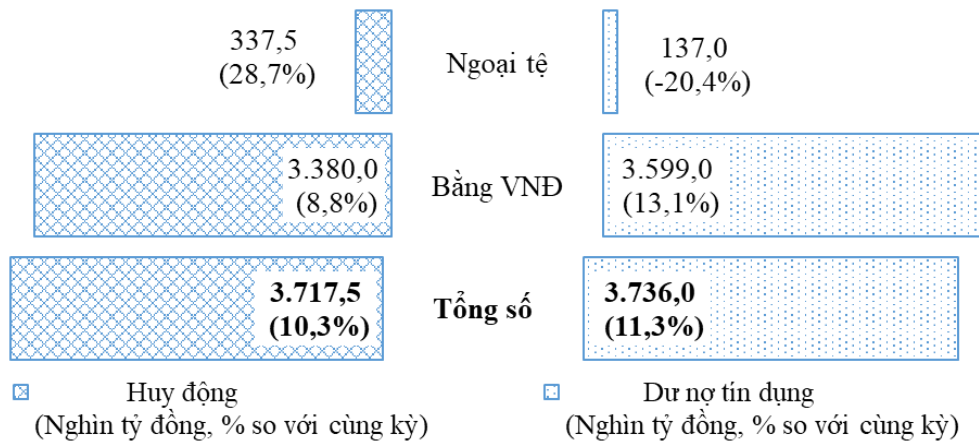
Lãi suất huy động bằng VNĐ tại các Ngân hàng thương mại tăng khoảng 0,08% - 0,17%/năm tùy kỳ hạn so với cuối tháng trước, ngược lại lãi suất cho vay bằng VNĐ thấp hơn 0,7% - 0,8% đối với các kỳ ngắn hạn so với cuối năm 2023. Tính đến ngày 30/9/2024, tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 10,3% và dư nợ tăng 11,3% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến ngày 30/9/2024 đạt 3.717,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.380 nghìn tỷ đồng, chiếm 90,9% tổng vốn huy động, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 337,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,1% tổng vốn huy động, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 28,7% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ (Ước tính đến 30/9/2024)



Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến ngày 30/9/2024 đạt 3.736 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

Dư nợ tín dụng bằng VNĐ ước đạt 3.599 nghìn tỷ đồng, chiếm 96,3% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 137,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,7%, tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 20,4% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.770 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,4% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 12,0% so với cùng kỳ.

Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.966 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,6% tổng dư nợ, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,8% so với cùng kỳ.

6.3. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 8 năm 2024 có xu hướng giảm khi khối lượng giảm 1,1% và giá trị giao dịch giảm 6,6% so với tháng trước. Chỉ số VN-Index trong tháng có diễn biến đi ngang và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt mức 1.283,87 điểm, tăng 4,6% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/8/2024, đã có 483 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 328 mã cổ phiếu, 17 mã chứng chỉ quỹ, 137 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 01 mã chứng chỉ quỹ, 03 mã cổ phiếu và giảm 19 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng có 06 mã cổ phiếu và 16 mã chứng quyền hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 8 năm 2024 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 15.466,9 triệu chứng khoán và giá trị đạt 365.080,2 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã giảm 1,1% về khối lượng và giảm 6,6% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 90,0% về khối lượng và chiếm 88,9% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 703,0 triệu chứng khoán với 16.594,6 tỷ đồng được giao dịch, tăng 3,4% về khối lượng và giảm 2,4% về giá trị so với tháng trước.

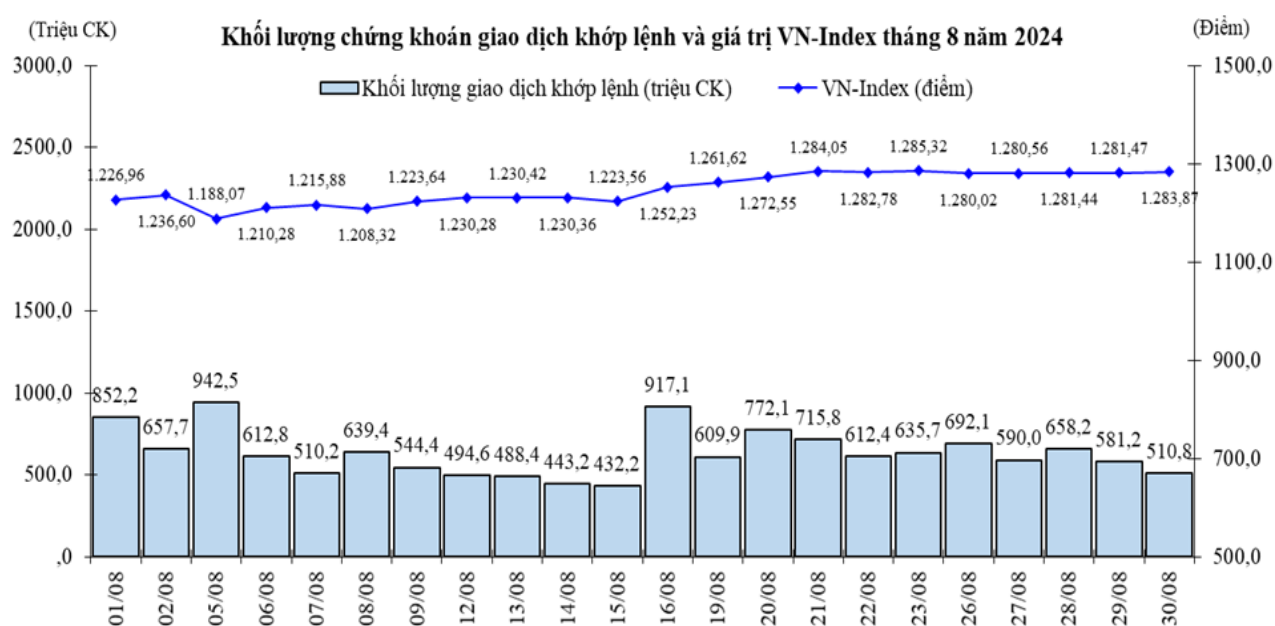
Tính chung 8 tháng năm 2024, tổng khối lượng giao dịch đạt 140.633,8 triệu chứng khoán với giá trị đạt 3.373.864,3 tỷ đồng, tăng 12,8% về khối lượng và tăng 44,9% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 89,5% về khối lượng và chiếm 89,2% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 852,3 triệu chứng khoán với 20.477,7 tỷ đồng được giao dịch, tăng 11,5% về khối lượng và tăng 43,1% về giá trị so với cùng kỳ.

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 8/2024	Tính chung 8 tháng 2024	Tháng 8/2024 so với tháng 7/2024	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	15.466,9	140.633,8	98,9	112,8
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	11.489,1	108.109,7	95,4	108,3
- Trái phiếu	4,3	74,8	51,8	203,8
- Chứng chỉ quỹ & ETF	94,2	1.179,6	76,5	128,6

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 8/2024	Tính chung 8 tháng 2024	Tháng 8/2024 so với tháng 7/2024	So với cùng kỳ
- Chứng quyền	3.879,3	31.269,7	112,3	131,0
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	13.912,9	125.904,6	98,2	111,3
- Giao dịch thỏa thuận	1.554,0	14.729,2	105,4	127,8
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	365.080,2	3.373.864,3	93,4	144,9
1. Chia theo loại chứng khoán:				
- Cổ phiếu	285.612,5	2.710.877,5	89,6	148,5
- Trái phiếu	15,6	336,0	47,3	200,6
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.080,9	27.552,2	74,5	157,4
- Chứng quyền	77.371,2	635.098,6	111,8	130,9
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	324.395,6	3.009.802,5	92,8	145,7
- Giao dịch thỏa thuận	40.684,6	364.061,8	98,8	138,1

Chỉ số VN-Index trong tháng 8 năm 2024 có xu hướng tăng với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì có 15 phiên VN-Index tăng điểm và 7 phiên giảm điểm. Trong phiên giao dịch đầu tháng 8, VN-Index đạt 1.226,96 điểm, giảm 2,0% (tương ứng giảm 24,55 điểm) so với phiên trước. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index có xu hướng đi ngang và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt mức 1.283,87 điểm, tăng 4,6% (tương ứng tăng 56,91 điểm) so với phiên đầu tháng; giá trị vốn hóa thị trường đạt 5.272.345 tỷ đồng, gấp 3,2 lần quy mô GRDP của Thành phố ước năm 2024.



Cập nhật phiên giao dịch ngày 20/9/2024, có 473 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh trên sàn Hose, trong đó có 322 mã cổ phiếu, 17 mã chứng chỉ quỹ, 133 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.272,04 điểm, tăng 13,8% (tương ứng tăng 155,39 điểm) so với ngày 29/12/2023 và vốn hóa thị trường đạt 5.217.160 tỷ đồng.

7. Hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải

7.1. Thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng tháng 9 ước tăng 4,8% so với tháng trước, tăng 13,5% so với cùng kỳ và tính chung 9 tháng năm 2024 tăng 10,5%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 năm 2024 ước đạt 108.410 tỷ đồng, tăng 4,8% so với tháng trước và tăng 13,5% so với cùng kỳ. Ước tính quý III năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 312.659 tỷ đồng, tăng 9,8% so với quý trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 872.331 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2024 (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



Tình hình bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng theo nhóm lĩnh vực cụ thể như sau:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9 năm 2024 ước đạt 50.331 tỷ đồng, chiếm 46,4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 15,7% so với cùng kỳ. Một số nhóm mặt

hàng chiếm tỷ trọng lớn và tăng so với cùng kỳ như nhóm lương thực, thực phẩm chiếm 31,7%, tăng 20,9%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 23,5%, tăng 4,7%; nhóm hàng hóa khác chiếm 10,7%, tăng 27,9%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm chiếm 8,5%, tăng 18,3%.

Tính chung 9 tháng năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 413.188 tỷ đồng, tăng 11,0% so với cùng kỳ. Trong đó, các nhóm có mức tăng cao như lương thực, thực phẩm tăng 11,9%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 11,7%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 23,6%; nhóm hàng hóa khác tăng 17,3%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 9 năm 2024 ước đạt 12.259 tỷ đồng, chiếm 11,3% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lưu trú giảm 1,3% so với tháng trước và tăng 12,9% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2024, doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 99.021 tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ. Trong đó, lưu trú tăng 29,8% và dịch vụ ăn uống tăng 6,8%.

Dịch vụ lữ hành tháng 9 năm 2024 ước đạt 3.067 tỷ đồng, giảm 19,5% so với tháng trước và tăng 28,5% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024, doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 30.005 tỷ đồng, tăng 54,9% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ khác tháng 9 năm 2024 ước đạt 42.753 tỷ đồng, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 330.117 tỷ đồng, tăng 7,5%. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản ước đạt 199.156 tỷ đồng, chiếm 60,3% trong doanh thu dịch vụ khác, tăng 6,7% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ hành chính và hỗ trợ tăng 9,0%; nhóm giáo dục và đào tạo tăng 9,4%; nhóm y tế tăng 7,3%; nhóm nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 8,1%.

7.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động thương mại điện tử tăng trưởng tích cực góp phần thúc đẩy dịch vụ logistic Thành phố. Kết quả là doanh thu vận tải 9 tháng năm 2024 tăng 36,9% so với cùng kỳ, trong đó vận tải hành khách giảm 8,7%; vận tải hàng hóa tăng 12% và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 52,4%.

7.2.1. Sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 9 ước đạt 23.549 nghìn lượt, tương đương so với tháng trước và giảm 20,6% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 236.531 nghìn lượt, giảm 3,4% so với

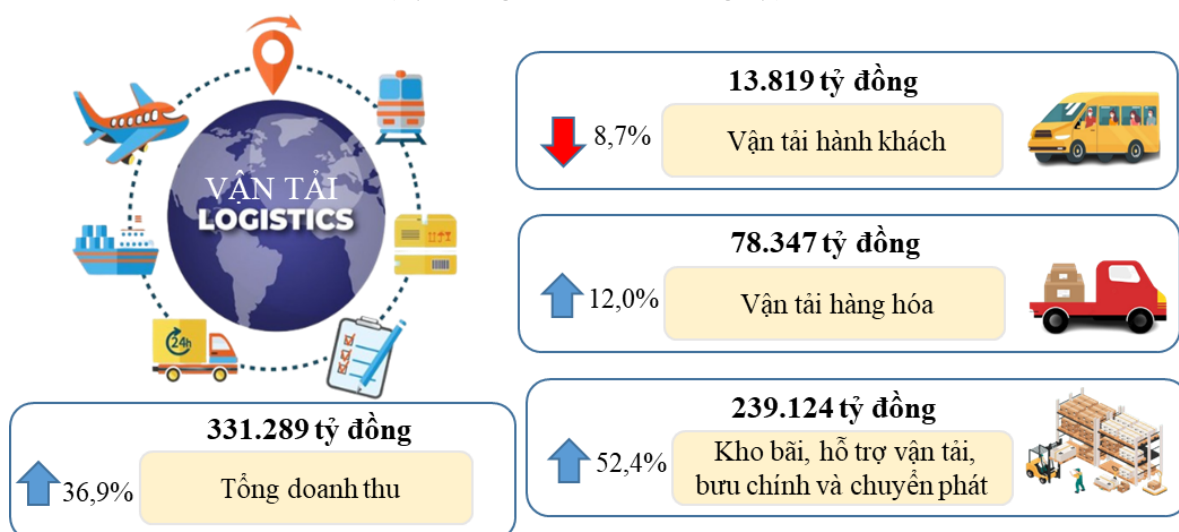
cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 97,0%, giảm 1,6% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 1,9%, giảm 36,8%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 9 ước đạt 24.081 nghìn tấn, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 18,4% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 192.188 nghìn tấn, tăng 13,0% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 74,4%, tăng 19,7% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 11,0%, giảm 7,3%; vận tải đường biển chiếm 14,4%, tăng 1,1%.

7.2.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9 ước đạt 42.195 tỷ đồng, giảm 2,4% so với tháng trước và tăng 34,0% so với cùng kỳ. Riêng quý III ước đạt 128.760 tỷ đồng, tăng 17,4% so với quý II và tăng 41,5% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 331.289 tỷ đồng tăng 36,9% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 9 ước đạt 1.561 tỷ đồng, giảm 2,6% so với tháng trước và giảm 7,5% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 13.819 tỷ đồng, giảm 8,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 78,4%, tăng 4,6% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 6,8%, tăng 16,3%; đường thủy nội địa chiếm 1,4%, giảm 29,9%.

Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 9 ước đạt 9.279 tỷ đồng, giảm 1,7% so với tháng trước và tăng 8,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 78.347 tỷ đồng, tăng 12,0% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 71,5%, tăng 17,4% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 4,9%, giảm 3,9%; vận tải đường biển chiếm 23,3%, tăng 1,6%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyên phát: Doanh thu tháng 9 ước đạt 31.355 tỷ đồng, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 47,7%

so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2024 ước đạt 239.124 tỷ đồng, tăng 52,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 227.760 tỷ đồng, tăng 54,3% so với cùng kỳ; bưu chính và chuyển phát đạt 11.364 tỷ đồng, tăng 22,9%.

8. Chỉ số giá

8.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Bước qua tháng 9, học phí năm học mới 2024 – 2025 được điều chỉnh, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng là một trong những nguyên nhân làm chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,45% so với tháng trước và tăng 2,71% so với cùng kỳ. CPI bình quân quý III năm 2024 tăng 2,99% so với cùng kỳ và bình quân 9 tháng tăng 3,17%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 năm 2024 tăng 0,45% so với tháng trước. Trong đó, 8/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước, mức tăng cao nhất là nhóm giáo dục (+4,85%), các nhóm còn lại đều giảm, giảm nhiều nhất là nhóm giao thông (-2,86%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm hàng trong tháng 9 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,82%, tác động CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm. Trong đó, lương thực tăng 0,40%, thực phẩm tăng 0,64% và ăn uống ngoài gia đình tăng 1,17%. Ở nhóm lương thực, bột mỳ và ngũ cốc khác tăng 1,23%, lương thực chế biến tăng 1,28%, một số mặt hàng thực phẩm có chỉ số giá tăng như thịt gia súc tăng 0,47%, thủy sản tươi sống tăng 0,96%, giá các loại đậu và hạt tăng 0,67%.

May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,28%, trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,20%, giá may mặc khác và mũ nón tăng 1,50%, dịch vụ may mặc tăng 0,79%, dịch vụ giày, dép tăng 1,91%.

Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,47%, tác động CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm, trong đó giá nhà ở thuê tăng 0,42%, nước sinh hoạt tăng 0,87%, điện sinh hoạt tăng 0,55%, gas tăng 1,59%.

Nhóm giao thông giảm 2,86%, làm CPI chung giảm 0,27 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng giảm 6,90% từ ảnh hưởng của 04 lần điều chỉnh giá bán xăng dầu trong tháng 9, giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 6,36%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng tăng giá như giá phụ tùng tăng 0,85%, giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,22%, giá dịch vụ khác đối với phương tiện vận tải cá nhân tăng 0,04%.

Giáo dục tăng 4,85% chủ yếu do việc điều chỉnh học phí của các trường áp dụng cho năm học 2024 – 2025, trong đó nhóm văn phòng phẩm tăng 0,69% và dịch vụ giáo dục tăng 5,16%.

Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,79%, trong đó thiết bị văn hóa giảm 1,08%, giá hoa, cây cảnh, vật cảnh giảm 2,06%, du lịch trọn gói giảm 4,06%, giá khách sạn giảm 3,02% do áp dụng các chương trình để kích cầu cuối mùa du lịch.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3,17%, trong đó, 10/11 nhóm có chỉ số giá tăng và tăng cao nhất là nhóm giáo dục với mức tăng 8,02%, kế đến là nhóm thuốc, dịch vụ y tế tăng 7,83%; 01 nhóm giảm là nhóm bưu chính viễn thông với mức giảm là 3,12%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

Đơn vị tính: %

	Tháng 9 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 9 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,40	102,71	103,45	103,17
<i>Trong đó: - Lương thực</i>	108,56	105,32	104,81	109,57
<i>- Thực phẩm</i>	101,04	101,32	102,66	100,54
2. Chỉ số giá vàng	102,48	118,23	100,55	119,35
3. Chỉ số giá USD	104,45	102,47	102,81	105,39

Chỉ số giá vàng tháng 9 năm 2024 tăng 1,77% so với tháng trước và tăng 18,23% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 19,35% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2024 giảm 1,77% so với tháng trước và tăng 2,47% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 5,39% so với cùng kỳ.

8.2. Chỉ số giá sản xuất

Trong quý III năm 2024, giá nguyên nhiên liệu nhập khẩu có xu hướng tăng do ảnh hưởng với các yếu tố địa chính trị và thương mại toàn cầu dẫn đến giá sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, dịch vụ đều tăng so với quý trước.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III năm 2024 ước tăng 0,39% so với quý trước và tăng 2,56% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ liên quan tăng 0,79% và tăng 1,68% so với quý trước và so với cùng kỳ; lâm nghiệp và dịch vụ liên quan có chỉ số giá sản xuất ổn định; chỉ số giá sản xuất thủy sản giảm 0,72% và tăng 4,99%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III năm 2024 ước tăng 1,80% so với quý trước và tăng 3,13% so với cùng kỳ. Trong đó, sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,88% so với quý trước và tăng 3,18% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III năm 2024 ước tăng 1,07% so với quý trước và tăng 0,89% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng

3,88% so với quý trước và tăng 23,37% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,81% so với quý trước và tăng 4,04% so với cùng kỳ; thông tin và truyền thông giảm 1,12% so với quý trước và giảm 0,24% so với cùng kỳ; giáo dục và đào tạo tăng 0,07% so với quý trước và tăng 8,04% so với cùng kỳ; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 0,37% so với quý trước và tăng 3,09% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế (Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/9/2024)

Từ đầu năm đến nay, số ca mắc bệnh Sốt xuất huyết là 7.002 ca, giảm 43,2% so với cùng kỳ; bệnh Tay Chân Miệng là 11.444 ca, giảm 53,7%; bệnh Covid-19 là 467 ca, giảm 87,9%; bệnh Mpox (bệnh đậu mùa khi) là 48 ca, không có ca tử vong. Số ca mắc bệnh Sởi là 850 ca, Thành phố triển khai tiêm chủng vắc xin phòng bệnh Sởi và tính đến ngày 17/9/2024 đã tiêm 79.993 mũi, trong đó: Tiêm cho trẻ em từ 01 đến 05 tuổi là 31.075 mũi; trẻ em từ 06 đến 10 tuổi là 39.745 mũi; nhân viên y tế và trẻ có nguy cơ mắc bệnh là 6.713 mũi.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị: Thành phố triển khai thực hiện Đề án “Chính sách đặc thù phát triển mạng lưới cộng tác viên sức khỏe cộng đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh”; đã tuyển được 12 nghìn người đạt tỷ lệ 78,1%; tiếp tục nhân rộng chương trình tầm soát các bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người dân Thành phố (WHO-PEN); tiếp tục triển khai khám sức khỏe cho người cao tuổi đang sinh sống trên địa bàn, tính đến ngày 18/9/2024 đã khám sức khỏe cho 250.150 người cao tuổi (chiếm 21%). Hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra trong công tác chăm sóc sức khỏe người dân theo từng địa bàn, đồng thời triển khai nền tảng bệnh án điện tử dùng chung được tích hợp.

Vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong 9 tháng năm 2024, Thành phố đảm bảo an toàn thực phẩm tại 24 sự kiện, lễ hội, hội nghị, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Ngoài ra, có 7 vụ liên quan đến toàn thực phẩm trên địa bàn: 01 vụ ngộ độc do sử dụng cồn Methanol; 02 vụ ngộ độc thực phẩm trong bữa ăn gia đình; 02 vụ chưa đủ cơ sở kết luận ngộ độc và 02 vụ đang chờ kết luận nguyên nhân.

2. Hoạt động giáo dục

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 với 84.046 thí sinh dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024, trong đó có 74.581 thí sinh trung học phổ thông, 9.465 thí sinh giáo dục thường xuyên và thí sinh tự do, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,68%. Thành phố là địa phương có tỷ lệ học sinh đạt điểm trung bình môn tiếng Anh cao nhất cả nước trong 8 năm liên tục.

Thành phố đã tổ chức kỳ thi học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông năm học 2023-2024; tổ chức thi học sinh giỏi giải toán máy tính cầm tay cấp Thành phố; tổ chức thi học sinh giỏi lớp 12 cấp Thành phố; thi học viên giỏi giáo dục thường xuyên “Hội thi Văn hay Chữ tốt năm học 2023-2024”; hội thi “Đầu bếp trẻ” lần IX; tổ chức cuộc thi Hùng biện tiếng Anh cho học sinh trung học phổ thông năm học 2023-2024; hội thi “Bé vẽ sáng tạo cùng Bitex”; kỳ thi chung kết giải Lê Quý Đôn trên ấn phẩm Nhi Đồng; tổ chức kỳ thi học sinh giỏi trung học phổ thông Thành phố, tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia. Thành phố đã tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2023-2024 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025.

Tuyển sinh vào lớp 1: Huy động 100% trẻ 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn Thành phố vào học lớp 1 theo tuyến quy định và phân đầu số lớp theo điều lệ trường tiểu học là 35 học sinh/lớp. Kết quả là có 96,2% học sinh theo học tại các trường công lập, số học sinh còn lại học tại các trường quốc tế và ngoài công lập.

Tuyển sinh vào lớp 6: Toàn bộ học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn Thành phố được vào học lớp 6, theo đúng tuyến với số không quá 45 học sinh/lớp. Kết quả có 97,8% học sinh theo học tại các trường công lập, số học sinh còn lại học tại các trường quốc tế hoặc ngoài công lập.

Tuyển sinh vào lớp 10: Thành phố đã hoàn thành công tác tuyển sinh, công bố điểm chuẩn sớm hơn 01 tuần so với kế hoạch và triển khai đăng ký nhập học trực tuyến. Kết quả có 64,1% học sinh tốt nghiệp THCS trúng tuyển các trường công lập, số học sinh còn lại học tại các trường ngoài công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường cao đẳng, trung cấp nghề.

Quy mô trường, lớp, học sinh năm học (2024-2025): Thành phố có hơn 1,7 triệu học sinh; hơn 80,6 nghìn giáo viên; gần 50,8 nghìn lớp học, gần 51,7 nghìn phòng học và trên 1,3 nghìn trường. Số học sinh khối mầm non là 321.404 trẻ em, tăng 6.262 trẻ so với năm học (2023-2024); khối tiểu học có 626.513, giảm 6.185 học sinh; khối trung học cơ sở có 490.394 học sinh, tăng 7.437 học sinh; khối trung học phổ thông có 268.910 học sinh, tăng 16.999 học sinh.

Năm học 2024-2025 vẫn đảm bảo 100% con em sinh sống trên địa bàn Thành phố đủ chỗ học; hoàn thành công tác tuyển sinh đầu cấp, triển khai đăng ký nhập học trực tuyến; Lễ Khai giảng năm học 2024-2025 với chủ đề “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh”; tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong công tác giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học tập và triển khai trường học số Google; triển khai quy

định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố.

3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Về văn hóa, nghệ thuật: Trong 9 tháng năm 2024, Thành phố đã tổ chức nhiều chương trình văn hóa, nghệ thuật đặc sắc như chuỗi các hoạt động phục vụ tết Nguyên đán năm 2024; các sự kiện văn hóa tôn vinh vai trò của gia đình trong đời sống xã hội như Ngày hội văn hóa cho thiếu nhi, ngày hội “Gia đình hạnh phúc”; kỷ niệm 326 năm thành lập Thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 – 2024); kỷ niệm 48 năm ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/7/1976 - 02/7/2024); Các hoạt động kỷ niệm 79 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2024); Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024) và 79 năm Ngày Sài Gòn khởi nghĩa giành chính quyền (25/8/1945 - 25/8/2024).

Về hoạt động thể thao quần chúng: Thành phố đã tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày thể thao Việt Nam, tổ chức "Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân" năm 2024; Ngày Olympic trẻ em và Phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2024; Đại hội Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh - Hội khỏe Phù Đổng năm học 2023-2024 gồm nhiều bộ môn thể thao đa dạng nhằm thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất nâng cao sức khỏe cho học sinh toàn Thành phố, tạo tiền đề tham dự Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc khu vực IV tại Đắk Lắk đạt kết quả hạng nhất cấp khu vực và toàn quốc.

Về hoạt động thể thao thành tích cao: Thành phố luôn là một trong hai trung tâm hàng đầu cả nước đóng góp nhiều thành tích cho Thể thao Việt Nam trên đấu trường quốc tế. Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 54 giải cấp Thành phố; 11 giải Quốc gia; 03 giải Quốc tế; tham dự 149 giải Quốc gia, 111 giải Quốc tế. Thành tích đạt được tại các giải Quốc gia là 996 huy chương vàng, 815 huy chương bạc và 862 huy chương đồng; giải Quốc tế là 78 huy chương vàng, 57 huy chương bạc và 46 huy chương đồng.

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 15/12/2023 - 14/9/2024)

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Tính từ đầu năm đến nay, Thành phố đã xảy ra 1.130 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 6,0% so với cùng kỳ; làm chết 336 người, giảm 33,0%; bị thương 722 người, giảm 39,0%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ: Tính từ đầu năm đến nay, xảy ra 367 vụ cháy, giảm 1,6% so với cùng kỳ; làm chết 14 người; bị thương 17 người; tài sản thiệt hại

khoảng 9,1 tỷ đồng (còn 45 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Vi phạm kinh tế: Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn Thành phố đã phát hiện và xử lý 1.109 vụ, 144 tổ chức, 1.177 cá nhân có dấu hiệu vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu. Đã khởi tố 771 vụ, 341 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 734 vụ, 603 cá nhân, 144 tổ chức với tổng số tiền phạt hơn 16 tỷ đồng. Các vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, đặc biệt đã phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Tính từ đầu năm đến nay, đã phát hiện, xử lý 1.621 vụ, 4.131 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; khởi tố 1.370 vụ, 2.593 bị can, xử lý hành chính 220 vụ, 1.458 đối tượng; thu giữ 764,91 kg ma túy các loại; 500 ml dung dịch có chứa ma túy; 57,15 kg chất chưa xác định; 01 quả pháo tự chế; 01 lựu đạn tự chế; 24 khẩu súng và 131 viên đạn cùng một số công cụ, phương tiện phục vụ hoạt động phạm tội khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Tính từ đầu năm đến nay, đã xảy ra và xử lý 4.146 vụ về trật tự xã hội, giảm 5,6% so với cùng kỳ, khởi tố 5.096 đối tượng, 58 người chết, 350 người bị thương, tài sản thiệt hại khoảng 1.282 tỷ đồng. Trong đó, đã khám phá 2.866/4.146 vụ (đạt 69,1%).

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 27.782 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 9 tháng năm 2024 là 249.119 lượt người, đạt 83,0% Kế hoạch.

Trong tháng có 13.298 chỗ việc làm mới, nâng tổng số việc làm mới trong 9 tháng năm 2024 là 112.915, đạt 80,7% Kế hoạch.

Tính từ đầu năm đến nay, tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài là 9.555 người, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp: Trong tháng 8, Thành phố đã tiếp nhận 13.457 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và đã ban hành 13.554 Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động đủ điều kiện.

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/8/2024, Thành phố đã tiếp nhận 104.294 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 10,3% so với cùng kỳ; ban hành Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 102.043 người lao động đủ điều kiện, giảm 9,8%.

6. An sinh xã hội

Công tác giảm nghèo bền vững: Tính từ đầu năm đến nay, Thành phố có 20.394 hộ nghèo và hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn Thành phố, chiếm 0,8% tổng số hộ dân Thành phố.

Tổ chức hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, giải quyết việc làm, trợ giúp trực tiếp chăm lo hộ nghèo và thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Tính từ đầu năm đến nay, đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền trên 99 tỷ đồng; trợ cấp cho hộ nghèo diện khó khăn với số tiền 1,7 tỷ đồng; hỗ trợ 2,1 tỷ tiền điện cho hộ nghèo; 10,5 tỷ đồng cho hộ nghèo xây, sửa chữa 220 căn nhà và các chính sách khác để hỗ trợ thoát nghèo.

Bảo trợ xã hội: Thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho 138.466 người, số tiền trên 106 tỷ đồng/tháng; thực hiện chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp cho 1.341 người, với số tiền trên 24 nghìn tỷ đồng; Thành phố quản lý 16 cơ sở bảo trợ xã hội công lập, 01 cơ sở giáo dục (trường Hermann Gmeiner) và 01 cơ sở đào tạo nghề (Trung tâm Bảo trợ dạy nghề và tạo việc làm Thành phố); tiếp nhận, quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng 6.646 người; 64 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập (có quyết định thành lập của cấp Thành phố và quận huyện); Xử lý trường hợp có dấu hiệu bạo hành trẻ em tại cơ sở Mái ấm Hoa Hồng (Quận 12), chuyển 84 trường hợp đến các trung tâm bảo trợ xã hội công lập để chăm sóc và nuôi dưỡng. Đồng thời lập Kế hoạch kiểm tra, rà soát toàn bộ các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, ngoài công lập trên địa bàn.

Thực hiện chính sách với người có công: Thành phố luôn quan tâm, chăm lo và thực hiện chính sách ưu đãi cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng; trợ cấp hàng tháng kịp thời theo quy định; xây dựng chính sách đặc biệt hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công trên địa bàn Thành phố; hỗ trợ nâng cấp nhà ở nhân dịp Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Khái quát lại, kinh tế Thành phố trong 9 tháng năm 2024 tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng tích cực. Mặc dù chịu tác động từ kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, Thành phố đã triển khai nhiều nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, khơi thông nguồn lực, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn đạt một số kết quả nổi bật:

- Tốc độ tăng GRDP cao trong quý III năm 2024 đạt 7,33%, 9 tháng năm 2024 GRDP tăng 6,85%;

- Hoạt động sản xuất công nghiệp có dấu hiệu hồi phục khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 6,9% so với cùng kỳ;

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá tăng 10,5% so với cùng kỳ, sức tiêu thụ hàng hóa có dấu hiệu phục hồi khi Thành phố đẩy mạnh các chương trình kích cầu tiêu dùng từ tháng 6 đến nay;

- Lượng khách quốc tế đến Thành phố tăng 12,4% so với cùng kỳ, doanh thu dịch vụ lữ hành tăng cao với mức tăng 54,9%, Thành phố đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, thu hút du khách từ nhiều thị trường tiềm năng;

- Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng cao 36,9%, phản ánh sự hồi phục và phát triển của hoạt động sản xuất, thương mại, giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn;

- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,17%, chính sách bình ổn giá tiếp tục phát huy hiệu quả, thị trường hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu dùng đảm bảo ổn định, không xảy ra tình trạng khan hàng, thiếu hàng.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2024 đạt 7,5%, đây là thách thức rất lớn cần sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, các giải pháp đã được đưa ra cụ thể trong Chỉ thị 12 ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thành phố đến năm 2025 cần tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện tốt, hiệu quả sẽ tạo tác động kép vừa là động lực lớn đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế của quý IV, vừa tạo đà để tăng lực đẩy cho tăng trưởng của năm 2025 cuối nhiệm kỳ đạt chỉ tiêu tăng trưởng mức cao nhất giai đoạn 2021-2025, trong đó trọng tâm:

(1) Tiếp tục kích cầu tiêu dùng và chương trình bình ổn giá

Thực hiện hiệu quả chương trình kích cầu mà Thành phố đang triển khai, trong đó khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các chương trình khuyến mãi, kết nối các sàn thương mại điện tử để thực hiện các chương trình kích cầu tiêu dùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình bình ổn giá và an sinh xã hội trong bối cảnh giá các mặt hàng có xu hướng tăng; Tăng cường công tác kết nối, tạo việc làm cho người lao động qua đó góp phần tăng thu nhập người dân, thúc đẩy tiêu dùng trong dài hạn; Tiếp tục xây dựng các chương trình kích cầu du lịch, kết nối chương trình khuyến mãi mua sắm, thưởng thức ẩm thực, khám chữa bệnh...

(2) Thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và chỉ tiêu công hiệu quả

Thành phố tiếp tục đôn đốc, giám sát các giải pháp giải ngân đầu tư công, các cơ chế từ Nghị quyết 98 để huy động tối đa vốn đầu tư xã hội. Tăng cường vai trò của các Ban chỉ đạo nhằm thông tin kịp thời, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án, công trình đầu tư trên địa bàn. Đảm bảo kế hoạch mua sắm công năm 2024, năm 2025, đảm bảo tiến độ chi thường xuyên theo dự toán.

(3) Thúc đẩy động lực xuất khẩu

Các thị trường xuất khẩu chủ lực, truyền thống của Thành phố đang gặp khó khăn, vì vậy Thành phố đồng hành cùng doanh nghiệp mở rộng thị trường tiềm năng thông qua thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh truyền thông và thông tin về nhu cầu, thị trường xuất khẩu thế giới.

(4) Đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực

Triển khai hiệu quả chính sách đầu tư cho khoa học và công nghệ trong đó đẩy nhanh các nhiệm vụ trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025; thúc đẩy chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

(5) Thành phố đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân nhằm khơi thông nguồn lực cho tăng trưởng Thành phố

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để giảm thiểu thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản. Nhanh chóng triển khai hiệu quả Luật đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản có hiệu lực từ 01/8. Thành phố đôn đốc, giao nhiệm vụ các Sở, ban ngành khẩn trương đánh giá những tồn tại, bất cập và giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tập trung cải thiện môi trường đầu tư nhằm khơi thông các nguồn lực trong xã hội. Đẩy nhanh các giải pháp thực hiện Đề án chính sách phát huy hiệu quả nguồn lực kiều hối trên địa bàn Thành phố.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 9 và 9 tháng năm 2024.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG**Nguyễn Khắc Hoàng**